TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 56/2025/QĐST – HNGĐ	*Mỏ Cày Nam, ngày 16 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2025/TLST - HNGĐ, ngày 13/3/2025, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung". Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Tuyết T, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: 187/4 khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Phan Chí T1, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Địa chỉ cư trú: ấp P, xã N, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoàn giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Phạm Tuyết T, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: 187/4 khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
- Anh Phan Chí T1, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Địa chỉ cư trú: ấp P, xã N, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Phan Thuý V, sinh ngày 22/12/2010 và Phan Thuý N, sinh ngày 08/11/2012. Khi ly hôn, chị Phạm Tuyết T được trực tiếp nuôi 02 con. Ghi nhận anh Phan Chí T1 cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp từng tháng, cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Bắt đầu cấp dưỡng khi quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của đương sự có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Phạm Tuyết T và anh Phan Chí T1 cùng trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Chị Phạm Tuyết T và anh Phan Chí T1 cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí ly hôn: 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Phạm Tuyết T tự nguyện chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008533, ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị Phạm Tuyết T được hoàn trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), anh Phan Chí T1 chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời gian thi hành án được được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu;